**ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 10**

**Học kì II - Năm học 2020 -2021**

**ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ (Nguyễn Trãi)**

I.Kiến thức cơ bản:

1.Tác giả:

NT là bậc đại anh hùng dân tộc, một nhân vật toàn tài hiếm có, danh nhân văn hóa thế giới.Ông cũng là một con người phải chịu những oan khiên thảm khốc nhất trong lịch sử chế độ pk VN.

a. Những tác phẩm chính:

- Bình Ngô đại cáo, Ức Trai thi tập, Quốc Âm thi tập, Quân trung từ mệnh tập

b. Giá trị nội dung và nghệ thuật thơ văn NT.

\* Nội dung :

- Bao trùm , xuyên suốt trong toàn bộ stac thơ văn của NT là tư tưởng yêu nước, thương dân.

- Bên cạnh đó là tình yêu thiên nhiên, tấm lòng thơm thảo với quê hương , gđ.

- Thơ văn NT còn toát lên cái khí tiết , đời sống trong sạch, một lòng vì dân vì nước.

\* Nghệ thuật :

- Văn xuôi : NT được coi là nhà văn chính luận bậc thầy., văn chính luận of NT luận điểm vững chắc, lập luận sắc bén, giọng điệu linh hoạt mang tính chiến đấu cao.

- Thơ : NT có nhiều đóng góp to lớn cho nền VHDT : Stac ra thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, Việt hóa thơ Đường luật.

2.Tác phẩm “Đại cáo bình Ngô”

\* Hoàn cảnh ra đời Đầu năm 1428,sau khi dẹp xong giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho NT viết bài cáo để tuyên bố kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình cho dân nước.

\*.Nội dung chính của tác phẩm:

a. Luận đề chính nghĩa: nêu cao tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân, khẳng định nền độc lập dân tộc, quyền tự chủ và truyền thông lâu đời với những yếu tố cơ bản về văn hoá, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán và sự tự ý thức về sức mạnh dân tộc.

b. Bản cáo trạng tội ác được xây dựng trên tư tưởng nhân nghĩa và lập trường dân tộc, vì dân mà lên án tội ác của giặc nên lời văn gan ruột, thống thiết; chứng cứ đầy sức thuyết phục.

c. Quá trình kháng chiến và chiến thắng: hình ảnh đạo quân nhân nghĩa từ dân mà ra , vì dân mà chiến đâu, chiến đấu bằng sức mạnh của dân mà nổi bật là hình ảnh lãnh tụ nghĩa quan Lam Sơn với những đặc điểm của người anh hùng đầy đủ phẩm chất và sức mạnh của cộng đồng trong cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh.

d. Lời tuyên ngôn đọc lập và hoà bình trang trọng, hùng hồn trong không gian, thời gian mang chiều kích vũ trụ vĩnh hằng.

\* Nghệ thuật: Bút pháp anh hùng ca đậm tính chất sử thi với các thủ pháp nghệ thuật so sánh, tương phản, liệt kê; giọng văn biến hoá linh hoạt, hình ảnh sinh động, hoành tráng.

\* Chủ đề: Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt; bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa yêu nước và khát vọng hoà bình.

II.Thực hành:

**Phân tích đoạn mở đầu**

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) là nhà chính trị, quân sự lỗi lạc, tài ba có công lớn trong công cuộc dẹp giặc Minh đem lại nền thái bình thịnh trị cho nước nhà. Ông còn là một nhà văn nhà thơ lớn với khối lượng tác phẩm đồ sộ bao gồm cả văn học chữ Hán và chữ Nôm. Trong đó phải kể đến một số tác phẩm như: Đại cáo bình Ngô, Quân trung từ mệnh tập, Quốc Âm thi tập, Ức Trai thi tập… Đại cáo bình Ngô được coi là áng “Thiên cổ hùng văn” muôn đời bất hủ, là bản tuyên ngôn đanh thép, hùng hồn về nền độc lập và vị thế dân tộc. Trong đó, cốt lõi là phần đầu tác phẩm với lý tưởng nhân nghĩa được thể hiện rõ ràng:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo

Đại cáo bình Ngô- Nguyễn Trãi

Nhân nghĩa là tư tưởng chủ đạo của Đại cáo bình Ngô, là mục tiêu chiến đấu vô cùng cao cả và thiêng liêng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Mở đầu bài cáo tác giả nêu luận đề chính nghĩa. Việc nhân nghĩa của Nguyễn Trãi ở đây là “yên dân” và “trừ bạo”. “Yên dân” chính là giúp dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, như vậy dân có yên thì nước mới ổn định, mới phát triển được. Tác giả đưa vào “yên dân” như để khẳng định đạo lý “lấy dân làm gốc” là quy luật tất yếu trong mọi thời đại là tài sản, là sức mạnh, sinh khí của một quốc gia.

Nguyễn Trãi thật tài tình khi nhận ra và khai sáng thành công vấn đề cốt lõi ấy. Việc nhân nghĩa tiếp theo chính là “trừ bạo” ý nói đến quân Minh, bọn gian tà chuyên đi bóc lột nhân dân. Bọn chúng thẳng tay hành hạ, cướp bóc, vùi dập dân ta trong vực thẳm của sự đau khổ. “Yên dân”, “trừ bạo”, hai việc này tưởng như không liên quan đến nhau nhưng lại là hai yếu tố có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho nhau, vì nếu không yên dân tất trừ bạo khó yên, chúng được nhấn mạnh và tiến hành cùng lúc, thống nhất với nhau. Quan tâm đến sự yên ổn, no ấm cho dân cũng đồng nghĩa với việc phải chiến đấu đánh đuổi kẻ thù của dân, diệt trừ những kẻ tham tàn bạo ngược, cụ thể là bọn “cuồng Minh” giày xéo lên cuộc sống nhân dân, gây ra bao tai hoạ.

Có thể nói, tư tưởng nhân nghĩa ở Nguyễn Trãi không còn là phạm trù đạo đức hạn hẹp mà là một lý tưởng xã hội: phải chăm lo cho nhân dân được sống cuộc hạnh phúc, yên bình. Điều quan trọng hơn là ở đây, Nguyễn Trãi nâng lý tưởng, nỗi niềm ấy lên thành một chân lí. Ông không nói đến nhân nghĩa một cách chung chung mà chỉ bằng một hai câu ngắn gọn tác giả đi vào khẳng định hạt nhân cơ bản, cốt lõi và có giá trị nhất. Không những thế, nhân nghĩa còn gắn liền với việc bảo vệ chủ quyền đất nước, khẳng định chủ quyền quốc gia, tinh thần độc lập dân tộc:

“Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác”

Từ Triệu , Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập

Đến Hán, Đường, Tống Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có.

Khi khẳng định chân lí này, Nguyễn Trãi đã đưa ra một quan niệm được đánh giá là đầy đủ nhất lúc bấy giờ về các yếu tố tạo thành một quốc gia độc lập.Nếu như 400 năm trước, trong Nam Quốc Sơn Hà, Lý Thường Kiệt chỉ xác định được hai yếu tố về lãnh thổ và chủ quyền trên ý thức quốc gia cùng độc lập dân tộc thì trong Bình Ngô đại cáo, NguyễnTrãi đã bổ sung thêm bốn nhân tố nữa, gồm văn hiến, lịch sử, phong tục tập quán và nhân tài. Đây chính là điểm sáng tạo cho thấy trí tuệ của Nguyễn Trãi. Ở mỗi một quốc gia, nền văn hiến ngàn năm không ai có thể nhầm lẫn được, cương thổ, núi, sông, đồng ruộng, biển cả đều được chia rõ ràng. Phong tục tập quán cũng như văn hoá mỗi miền Bắc, Nam cũng khác. Ở đây, Nguyễn Trãi nhấn mạnh cả Trung Quốc và Đại Việt đều có những nét riêng không thể nhầm lẫn, thay đổi hay xóa bỏ được. Cùng với đó là từng triều đại riêng nhằm khẳng định chủ quyền. Qua câu thơ, Nguyễn Trãi đã đặt các triều đại “Triệu, Đinh, Lí, Trần” của ta ngang hàng với “ Hán, Đường, Tống, Nguyên” của Trung Quốc , điều đó cho ta thấy, nếu không có một lòng tự hào dân tộc mãnh liệt thì không thể nào có sự so sánh cực kì hay và tinh tế như vậy. Cuối cùng chính là nhân tài, con người cũng là yếu tố quan trọng để khẳng định nền độc lập của chính mình. Tuy thời thế “mạnh, yếu từng lúc khác nhau” song hào kiệt thì đời nào cũng có, câu thơ như lời răn đe đối với những ai, những kẻ nào, nước nào muốn thơn tính Đại Việt.

Từ năm yếu tố trên, Nguyễn Trãi đã khái quát gần như toàn diện về nền độc lập của một quốc gia. So với “Nam Quốc Sơn Hà” của Lý Thường Kiệt, Bình Ngô đại cáo thật sự hay hơn , đầy đủ, toàn diện hơn về nội dung cũng như tư tưởng xuyên suốt. Ngoài ra , để nhấn mạnh tư cách độc lập của nước ta, tác giả còn sử dụng cách viết sánh đôi nước ta và Trung Quốc: về bờ cõi, phong tục- hai nước ngang bằng nhau, về triều đại-bốn triều đại cường thịnh của ta so với bốn triều đại của Trung Quốc cùng nhân tài thời nào cũng có đã chứng tỏ ta không hề thua kém chúng.

Xuyên suốt đoạn thơ, Nguyễn Trãi đã sử dụng nhiều từ ngữ chỉ tính chất hiển nhiên vốn có khi nêu rõ sự tồn tại của Đại Việt: “từ trước”, “đã lâu” ,“đã chia”, “cũng khác” đã làm tăng sức thuyết phục lên gấp bội. Nghệ thuật thành công nhất của đoạn một – cũng như là bài cáo – chính là thể văn biền ngẫu được nhà thơ khai thác triệt để. Phần còn lại của đoạn đầu là chứng cớ để khẳng định nền độc lập, về các cuộc chiến trước đây với phương Bắc trong lịch sử chúng đều thất bại là chứng cớ khẳng định rõ nhất:

Vậy nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong

Cửa HàmTử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã

Việc xưa xem xét

Chứng cứ còn ghi.

NguyễnTrãi đã tổng kết những chiến công oanh liệt của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, giữ gìn nền độc lập dân tộc. Cách liệt kê, chỉ ra dẫn chứng rõ ràng, cụ thể, xác thực đã được công nhận bằng những lời lẽ chắc chắn, hào hùng, thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Người đọc thấy ở đây ý thức dân tộc của Nguyễn Trãi đã vươn tới một tầm cao mới khi nêu cụ thể, rõ ràng từng chiến công oanh liệt của quân và dân ta: “cửa Hàm Tử”, “sông Bạch Đằng”,..thêm vào đó là sự xem thường, căm ghét đối với sự thất bại của những kẻ xâm lược không biết tự lượng sức : “Lưu Cung..tham công”, “Triệu Tiết… thích lớn”, Toa Đô, Ô Mã, tất cả chúng đều phải chết thảm. Đoạn thơ đã một lần nữa khẳng định rằng: Đại Việt là một quốc gia có độc lập, tự chủ, có nhân tài, có tướng giỏi, chẳng thua kém gì bất cứ một quốc gia nào. Bất cứ kẻ nào có ý muốn thôn tính, xâm lược ta đều phải chịu kết quả thảm bại. Cuộc chiến chống lại quân giặc, bảo vệ dân tộc là một cuộc chiến vì chính nghĩa, lẽ phải, chứ không như nhiều cuộc chiến tranh phi nghĩa khác, cho nên, dù thế nào đi nữa, chính nghĩa nhất định thắng gian tà theo quy luật của tạo hóa.

Đại cáo bình Ngô tràn ngập nguồn cảm hứng trữ tình và mang tính chất hào hùng hiếm có. Trong đó, phần đầu tác phẩm, với nghệ thuật biền ngẫu, đã nêu được hai nội dung chính gần như hết bài cáo là nhân nghĩa và nền độc lập của dân tộc Đại Việt. Chính vì vậy, đoạn trích có giá trị rất sâu sắc đối với nước ta, khẳng định nhân dân ta có tinh thần nhân nghĩa và nền độc lập riêng của mình. Đoạn thơ giúp ta hiểu rõ chủ quyền lãnh thổ, độc lập dân tộc cũng như lịch sử đấu tranh hào hùng của cha ông ta ngày trước, qua đó bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào tự tôn dân tộc, quyết tâm xây dựng, bảo vệ và củng cố độc lập chủ quyền nước nhà.

**TÌNH CẢNH LẺ LOI NGƯỜI CHINH PHỤ**

**I. Kiến thức trọng tâm**

(Trích “Chinh phụ ngâm khúc).

**1. Tác giả, dịch giả:**

a. Tác giả: Đặng Trần Côn (sống ở thế kỉ XVIII) quê ở Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sáng tác nhiều thơ, phú chữ Hán, nổi bật là “Chinh phụ ngâm”.

b. Dịch giả: Phần lớn ý kiến cho rằng Đoàn Thị Điểm dịch tác phẩm này, số khác lại cho rằng người dịch là Phan Huy Ích.

\* Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748) hiệu là Hồng Hà nữ sĩ, là người thông minh tài giỏi. Bà lấy chồng muộn, sau đó không lâu, chồng bà đi sứ Trung Quốc. Có thể bà dịch “Chinh phụ ngâm” trong thời gian này.

\* Phan Huy Ích (1750 – 1822) đỗ tiến sĩ năm 26 tuổi, sáng tác “Dụ Am Văn tập”, “Dụ Am ngâm lục”.

**2. Tác phẩm:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** Tác phẩm ra đời vào thế kỉ XVIII , xã hội đầu thời Lê Hiển Tông nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra, triều đình phải cất quân đi dẹp loạn. Từ đó mà có cảnh gia đình chia lìa, kẻ ở người đi không hẹn ngày gặp. Xúc động vì tình cảnh này và căm ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, Đặng Trần Côn cho ra đời “Chinh phụ ngâm”

**b. Nội dung**:

- Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc của người phụ nữ có chồng đi lính. Trong chuỗi ngày dài cô đơn, lẻ loi, nàng lo lắng cho chồng, đau xót cho mình, thương cuộc hôn nhân dang dở, sợ hãi tương lai mù mịt. Nổi bật xuyên suốt khúc ngâm là hình ảnh người phụ nữ nhỏ bé, cô độc trong không gian trống vắng, lạnh lẽo, bị nỗi buồn thương sầu nhớ ăn mòn tâm hồn và sắc đẹp.

- Giá trị nhân đạo: “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” hay “Chinh phụ ngâm” đã đề cao khát vọng về tình yêu chân chính, cao đẹp của người; phê phán chế độ phong kiến trong xã hội cũ với những cuộc chiến tranh phi nghĩa chia uyên rẽ thúy, hủy hoại hạnh phúc gia đình.

**c. Nghệ thuật:** Các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, câu hỏi tu từ, ẩn dụ; các bút pháp ước lệ tượng trưng, tả cảnh ngụ tình; thêm đó nghệ thuật sử dụng từ ngữ gợi hình, gợi cảm, hệ thống tính từ chỉ cảm xúc, thể thơ song thất lục bát giàu âm điệu thiết tha réo rắt.

**II.Thực hành:**

**\*Đề bài:**Tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích”Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” trích “Chinh phụ ngâm khúc “của Đặng Trần Côn.

a. Mở bài:

- Tác phẩm Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn viết bằng chữ Hán, được sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII, khi xã hội phong kiến nước ta đang lâm vào tinh trạng rối ren, khồng hoảng. Nội chiến xảy ra liên miên. Nông dân nổi dậy khắp nơi chống lại triều đình gây cảnh sinh li tử biệt, đau thương.

- Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đổng cảm rộng rãi của tầng lớp Nho sĩ. Nhiều người dịch tác phầm sang chữ Nôm. Bản dịch của nữ sĩ ĐTĐ là thành công hơn cả.

- Nội dung Chinh phụ ngâm phản ánh thái độ căm ghét, lên án chiến tranh phi nghĩa, đề cao quyển sống cùng khát vọng hạnh phúc của con người. Đoạn trích” Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” từ câu 193 đến câu 228 miêu tả những cung bậc và sắc thái khác nhau của nỗi cô đơn, buồn khổ trong tâm trạng người chinh phụ đang khao khát được sống trong tình yêu và hanh phúc lứa đôi

b.Thân bài:

\* Nỗi cô đơn của người chinh phụ trong tinh cảnh lẻ loi:

- Khắc khoải mong chờ: Dạo hiên vẳng thầm gieo từng bước

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen

- Lúc nào và ở đâu nàng cũng thấy lẻ loi: ban ngày, ban đêm, ngoài hiên vắng, trong phòng khuê... Nỗi cô đơn tràn ngập không gian và kéo dài vô tận theo thời gian luôn ám ảnh nàng.

- Khát khao được đồng cảm: Người chinh phụ trách chim thước chẳng chịu mách tin. Lúc đầu, nàng nghĩ may ra chỉ có ngọn dèn biết tâm sự của minh, sau lại nghĩ đèn có biết thì cũng bằng không. Nỗi sầu thương không được san sẻ nên lòng nàng càng bi thiết.

-Hình ảnh người chinh phụ thầm gieo từng bước ngoài hiên vắng và ngồi một mình với ngọn đèn trong phòng đã cực tả nỗi cô đơn trong tình cảnh lẻ loi.

- Từ câu 9 đến câu 12 : Đêm khuya, nghe tiếng gà gáy báo tửng trống canh, người chinh phụ không sao ngủ được. Ban ngày, nhìn bóng hoè hết dời bên này tại chuyển bên nọ, người chinh phụ thấy thời gian chờ đợi dài vô cùng. Những từ láy đằng đẳng, dằng dặc có sức gợi tả gợi cảm rất lớn.

- Từ câu 13 đến 16: Người chinh phụ gắng tìm cách vượt ra khỏi vòng vây của cảm giác cô đơn, nhưng rốt cuộc vẫn không thoát nổi. Khi đốt hương thì nàng lại chìm đắm vào sáu tủi miên man; lúc soi gương thì lại nhớ gương này mình với chổng dã soi chung, nên không cầm được nước mắt. Nàng gượng gảy đàn thì lại sợ dày uyên đứt, phím loan chủng... Nàng đành ngẩn ngơ trở về với nỗi cô đơn chất chứa trong lòng.

\*Nỗi nhớ thương người chồng ở phương xa

- Người chinh phụ nghĩ đến chồng mình đang xông pha nơi chiến trận ở phương xa, chợt nảy ra ý nghĩ: nhờ gió 'xuân gửi lòng mình tới chồng:

- Câu thơ thể hiện nỗi nhớ mênh mông, vô tận. Thăm thẳm nỗi nhớ chổng mà cũng là thăm thẳm con đường đến chỗ chổng đang đánh giặc, thăm thẳm con đường lên trời. Đất trời thi bao la, bát ngát, liệu có thấu nỗi sinh li đau đớn hơn tủ biệt đang giày vò ghê gớm cõi lòng người chinh phụ hay chăng?

- Giữa cảnh vật và con người dường như có sự tương đổng khiến cho mối sâu thương càng trở nên miên man, bất tận : Cảnh buồn người thiết tha lòng, Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun... Chinh phụ nhìn cảnh vật bằng đôi mắt chất chứa buồn thương nên thấy bất cứ cái gì cũng gợi dậy bao nỗi đoạn trường. Ý thơ đi từ tinh đến cảnh rồi lại từ cảnh trở về tình nhằm thể hiện rõ tinh cảnh vả tâm trạng lẻ loi cúa người chinh phụ. Dù ở đâu, lúc nào, làm gì... nàng cũng chì lầm lũi, vò võ một mình một bóng mà thôi!

- Trời đất không cùng, nỗi nhớ cũng không cùng ; người chinh phụ đành trở lại với thực tố xung quanh. Ý thơ chuyển từ tinh sang cảnh. Không gian âm u: Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun, như truyền, như ngấm cái lạnh lẽo đáng sợ vào tận tâm hồn con người

c. Kết bài:

- Bằng nghệ thuật tả cành tả tinh điêu luyện, tác giả dã diễn tả thành công những cung bậc cảm xúc khác nhau trong lòng người chinh phụ và thông qua đó lẽn án chiến tranh phi nghĩa ,đề cao hạnh phúc lứa đôi.

- Tác phẩm Chinh phụ ngâm đã toát lên tư tưởng chủ đạo trong văn chương một thời, đó là tư tưởng đòi quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.

**TÁC GIẢ NGUYỄN DU**

I. Những yếu tố kết tinh nên thiên tài Nguyễn Du

+ Thời đại : Đó là 1 thời đại bão táp của lịch sử. Những cuộc chiến tranh dai dẳng triền miên giữa các tập đoàn pk đã làm cho cuộc sống xh trở nên điêu đứng, số phận con người bị chà đạp thê thảm.

+ Quê hương và gđ : Quê hương núi Hồng sông Lam cùng với truyền thống gđ khoa bảng lớn cũng là 1 yếu tố làm nên thiên tài NDu.

+ Bản thân cuộc đời gió bụi nhiều năm phiêu bạt trong loạn lạc chính là yếu tố quan trọng nhất để Nguyễn Du có vốn sống và tư tưởng làm nên một đỉnh cao văn học đó là : Truyện Kiều.

II Truyện kiều.

1.Nguồn gốc : từ cốt truyện Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, với tài năng nghệ thuật bậc thầy, tấm lòng nhân đạo bao la, Ndu đã sáng tạo ra 1 kiệt tác văn chương bất hủ.

2. Sự sáng tạo của Nguyễn Du

a. Về nội dung : Từ câu chuyện tình của Thanh Tâm Tài Nhân, Ndu đã tạo nên 1 “khúc ca mới đứt ruột”, nhấn vào nỗi đau bạc mệnh và gửi gắm những xúc cảm về nhân sinh của nhà thơ trước những điều trông thấy.

b. Về nghệ thuật : Lược bỏ các tình tiết về mưu mẹo, báo oán…, bằng thề lục bát truyền thống, với 1 ngôn ngữ trau chuốt tinh vi, chính xác đến trình độ cổ điển, trong 1 truyện thơ Nôm, Ndu tập trung thể hiện nội tâm nhân vật 1 cách tài tình.

3. Nội dung tư tưởng :

+ Tiếng khóc cho số phận con người: khóc cho tình yêu trong trắng, chân thành bị tan vỡ; khóc cho tình cốt nhục bị lìa tan; khóc cho nhân phẩm bị chà đạp; khóc cho thân xác con người bị đày đọa.

+ Lời tố cáo mạnh mẽ, đanh thép các thế lực đen tối trong xhpk, phanh phui sức mạnh làm tha hóa con người của đồng tiền.

+ Bài ca tình yêu tự do và ước mơ công lí.

4. Nghệ thuật

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật;

+ Nghệ thuật kể chuyện;

+ Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

III. Kết luận: Truyện Kiều là kiệt tác số một của văn học dân tộc Việt Nam, di sản văn học của nhân loại; tiêu biểu cho cảm hứng nhân đạo chủ nghĩa, vừa là niềm thương cảm sâu sắc, là tấm lòng "nghĩ tới muôn đời", vừa là thái độ nâng niu, trân trọng những giá trị nhân bản cao đẹp của con người.

**TRAO DUYÊN**

I. Nội dung:

- 18 câu đầu : Thúy Kiều nhờ Thúy vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng:

- Kiều nhờ cậy Vân. Lời xưng hô của Kiều vừa như trông cậy vừa như nài ép, phù hợp để nói về vấn đề tế nhị "tình chị duyên em";

- Nàng nhắc nhớ mối tình của mình với chàng Kim; thắm thiết nhưng mong manh, nhanh tan vỡ.

- Kiều trao duyên cho em: trao lời tha thiết, tâm huyết; trao kỉ vật lại dùng dằng, nửa trao, nửa níu - để thấy tâm trạng của Kiều trong thời khắc đoạn trường.

- Đoạn thơ còn lại : Tâm trạng của Kiều sau khi trao duyên:

- Dự cảm về cái chết trở đi, trở lại trong tâm hồn Kiều; trong lời độc thoại nội tâm đầy đau đớn, Kiều hướng tới người yêu với tất cả tình yêu thương và mong nhớ;

- Từ chỗ nói với em, Kiều chuyển sang nói với mình, nói với người yêu; từ giọng đau đớn chuyển thành tiếng khóc, khóc cho mình, khóc cho mối tình đầu trong sáng, đẹp đẽ vừa mới chớm nở đã tan vỡ.

III. Nghệ thuật:

- Miêu tả tinh tế diễn biến tâm trạng nhân vật.

- Ngôn ngữ độc thoại nội tâm sinh động.

\* Chủ đề: Vẻ đẹp nhân cách Thúy Kiều thể hiện qua nỗi đau đớn khi duyên tình tan vỡ và sự hi sinh đến quên mình vì hạnh phúc của người thân.

IV.Thực hành:

\*Đề : Phân tích 12 câu đầu của đoạn trích “Trao duyên”.

a. Mở bài:

Đại thi hào Nguyễn Du (1765-• 1820) tên chữ là Tố Như là một thiên tài văn học, niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Truyện Kiều là một tuyệt tác của Nguyễn Du, bài thơ như tiếng khóc ai oán của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đầy rẫy những thối nát, bất công. Đoạn trích “Trao duyên” đã nói lên nỗi lòng đau xót của Thúy Kiều khi phải trao mối tình mặn nồng giữa nàng và Kim Trọng cho Thúy Vân, cũng là phần mở đầu cho cuộc đời đầy đau khổ của Thúy Kiều. Và đặc sắc nhất có lẽ là 12 câu thơ đầu. Chỉ 12 câu nhưng sao như tiếng nấc uất nghẹn ngào.

b.Thân bài:

- Hoàn cảnh của Kiều trước đó: gia đình gặp tai biến, Kiều quyết định bán mình chuộc cha và em. Kiều đã quyết định trao duyên lại cho ThúyVân.

- Thúy Kiều giãi bày lí do, tìm cách thuyết phục để trao duyên cho ThúyVân:

\* Lời khẩn cầu (2 câu đầu):

+ Ngôn ngữ: cậy, chịu ( khác với nhờ và nhận), có: vừa nhờ vả, vừa nài nỉ,van xin; ướm hỏi nhưng thực chất là ép buộc.

+Hành động: lạy (trang nghiêm, trịnh trọng) thưa (Tư thế: hạ mình, mang ơn Vân )

-> Lời nói, hành động khác lạ bởi vì nội dung trao duyên hệ trọng, khó nói.Hơn nữa, Kiều thấu hiểu sự thiệt thòi của em và cũng rất khéo léo, thôngminh khi tạo được bầu không khí phù hợp để “trao duyên”.

\* Thúy Kiều thuyết phục Thúy Vân (10 câu tiếp):

+ Gợi cảm tình: bằng cách nhắc lại mối tình đẹp. (liệt kê, tiểu đối)

+ Giải bày tình thế của chính Kiều: “ đứt gánh tương tư”, “ sóng gió bấtkì”, lựa chọn giữa hiếu và tình.

+ Tình thế của Thúy Vân: keo loan chắp mối tơ thừa”: mặc em định liệu,Thúy Vân còn trẻ, còn có tương lai, Thúy Vân với Kiều là tình máu mủ.

+ Sự hi sinh của Thúy Vân là sự ban ơn cho Thúy Kiếu (ngậm cười chínhsuối, thơm lây.)-> Bình tĩnh, khéo léo, thuyết phục có lí, có tình, Kiều đưa Vân vào tình huống bất khả kháng

=>Đây là tiếng nói của lí trí, tâm trạng của Thúy Kiều là biết ơn chân thành, tâm lí tạm thời được giải tỏa

- Nội dung và nghệ thuật như hai mặt của một tờ giấy, HS nên lồng ghéptrong phần nội dung.

+ Cách dùng từ, vận dụng thành ngữ, so sánh, ẩn dụ, điển tích...

+ Cách ngắt nhịp (2 câu cuối), lặp từ, câu cảm thán, từ láy; giọng điệu…

c. Kết bài:

:Cảm nhận chung về giá trị của đoạn thơ, thành công của tác giả NguễnDu

Qua đoạn trích “Trao duyên”, ta nhận thấy Nguyễn Du thật sự là một bậc đại tài trong việc thấu hiểu từng khía cạnh tinh tế nhất của tâm can con người. Chính sự thấu hiểu sâu sắc ấy cùng với nghệ thuật dùng từ điêu luyện, đã khiến tác phẩm của Nguyễn Du• tồn tại như một giá trị vĩnh cửu vượt qua tất cả thử thách khắt khe của thời gian, để lại ấn tượng mạnh mẽ trong lòng đối tượng tiếp nhận, đã khiến cho triệu vạn người phải rơi nước mắt khóc than cho số phận nàng Kiều:

“Tiếng thơ ai động đất trời

Nghe như non nước vọng lời ngàn thu

Ngàn năm sau nhớ Nguyễn Du

Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày”

(Kính gửi cụ Nguyễn Du – Tố Hữu)

Hay như Mộng Liên Đường cũng đã từng nhận xét: “Nguyễn Du viết Truyện Kiều như có máu rỏ lên đầu ngọn bút, nước mắt thấm qua tờ giấy", quả thật không ngoa chút nào!

**CHÍ KHÍ ANH HÙNG**

I. Kiến thức cần đạt

1. Vị trí đoạn trích: được trích từ câu 2213 đến câu 2230 của Truyện Kiều : Từ Hải từ biệt Thúy Kiều ra đi lập sự nghiệp lớn.

2. Nội dung

- Khát vọng lên đường: ( 4 câu đầu) Khát khao được vẫy vùng, tung hoành bốn phương là một sức mạnh tự nhiên không gì có thể ngăn cản nổi.

- Lí tưởng anh hùng của Từ Hải ( đoạn thơ còn lại)

+ Không quyến luyến, bịn rịn, không vì tình yêu mà quên đi lí tưởng cao cả.

+ Trách Kiều là người tri kỉ mà không hiểu mình, khuyên Kiều vượt lên trên tình cảm thông thường để sánh với anh hùng.

+ Hứa hẹn với Kiều về một tương lai thành công.

+ Khẳng định quyết tâm, tự tin vào thành công.

3. Nghệ thuật

Khuynh hướng lí tưởng hóa người anh hùng bằng bút pháp ước lệ và cảm hứng vũ trụ; trong đó, hai phương diện ước lệ và cảm hứng vũ trụ gắn bó chặt chẽ với nhau.

4.Chủ đề: Lí tưởng anh hùng của Từ Hải và ước mơ công lí của Nguyễn Du.

II. Thực hành

Phân tích nhân vật Từ Hải trong đoạn trích “Chí Khí Anh Hùng”

a. Mở bài

Từ Hải là một giấc mơ của Nguyễn Du,giấc mơ anh hùng,giấc mơ tự do và công lý.Cho nên Từ Hải là một người chí khí,một người siêu phàm.Con người ấy đến từ một giấc mơ và ở lại như một huyền thoại.Hiện diện trong “Truyện Kiều” như một nhân cách sử thi,Từ Hải đã làm nên những trang sôi động nhất,hào sảng nhất trong cái thế giới buồn đau dằng dặc của “Đoạn Trường Tân Thanh”.Đoạn trích “Chí Khí Anh Hùng” là một đoạn trích tiêu biểu khắc họa rõ nét chí khí anh hùng của Từ Hải.

b..Thân bài

Kiều bị lừa vào lầu xanh lầnthứ 2, tâm trạng nàng vô cùng đau khổ và tuyệt vọng. May sao Từ Hải đột ngột xuất hiện, đã xem Kiều như tri kỉ và chuộc nàng thoát khỏi lầu xanh. Cả 2 đều là những con người thuộc tầng lớp thấp kém (một gái lầuxanh, một tướng giặc) bị xã hội phong kiến thối nát lúc bấy giờ ruồng rẫy, coi thường, và họ đã đến với nhau trong 1 tình cảm gắn bó của đôi tri kỉ. Từ Hải đánh giá cao sự thông minh, khéo léo của Kiều và ngược lại Kiều nhận ra ở Từ Hải có chí khí anh hùng hiếm có trong thiên hạ, đồng thời cũng là người duy nhất có thể giải thoát cho nàng.Nhưng dù yêu thương,trân trọng Từ Hải, Kiều cũng không thể giữ chân bậc anh hùng cái thế.Đã đến lúc Kiều để Từ Hải ra đi lập sự anh hùng.Tính cách và chí khí của Từ Hải được biểu hiện qua cách sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn từ Hán Việt,ngôn ngữ bình dân,dùng nhiều hình ảnh ước lệ và sử dụng điển cố,điển tích.Đặc biệt nhân vật Từ Hải được Nguyễn Du tái tạo theo khuynh hướng lí tưởng hóa.Mọi ngôn từ,hình ảnh và cách miêu tả Nguyễn Du đều sử dụng rất phù hợp với khuynh hướng này.

“Nửa năm hương lửa đương nồng

Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương”.

“Nửa năm” là khoảng thời gian chung sống của Từ Hải và Kiều,thời gian chưa đủ dài để dập tắt hương lửa nồng nàn của “trai anh hùng,cái thuyền quyên”.Vậy nhưng,Từ Hải vội dứt áo ra đi,Từ không quên mình là một tráng sĩ.Trong xã hội phong kiến,đã làm thân nam nhi phải có chí vẫy vùng giữa trời đất cao rộng.Tác giả dùng từ “trượng phu” đây là lần duy nhất tác giả dùng từ này và dùng cho nhân vật Từ Hải.”Trượng phu” nghĩa là người đàn ông có chí khí lớn.Từ “thoắt” nghĩa là nhanh chóng trong khoảng khắc bất ngờ.Đó là cách xử sự bất thường,dứt khoát của Từ Hải.Nếu là người không có chí khí,không có bản lĩnh thì trong lúc hạnh phúc vợ chồng đang nồng nàn người ta dễ quên những việc khác.Nhưng Từ Hải thì khác,ngay khi đang hạnh phúc,chàng “thoắt” nhờ đến mục đích,chí hướng của đời mình .Tất nhiên chí khí đó phù hợp với bản chất của Từ Hải,hơn nữa,Từ Hải nghĩ thực hiện được chí lớn thì mới xứng đáng với niềm tin yêu và trân trọng mà Thúy Kiều dành cho mình .Cụm từ “động lòng bốn phương” theo Tản Đà là “động bụng nghĩ đến bốn phương”cho Từ Hải “không phải người một nhà,một họ,một xóm,một làng mà là người của trời đất,của bốn phương”(Hoài Thanh).Chính vì thế,chàng hướng về “trời bể mênh mang”,với “thanh gươm yên ngựa” lên đường đi thẳng:

“Trông vời trời bể mênh mang

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong”.

Không gian trời bể mênh mang,con đường thẳng đã thể hiện rõ chí khí anh hùng của Từ Hai.Tác giả dựng lên hình ảnh “Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong”rồi mới để cho Từ Hải và Thúy Kiểu nói lời tiễn biệt.Liệu có gì phi lôgic không?Không,vì hai chữ “thẳng dong” có người giải thích là “vội lời”,chứ không phải lên đường đi thẳng rồi mới nói lời tiễn biệt.Ta có thể hình dung,Từ Hải lên yên ngựa rồi mới nói những lời chia biệt với Thúy Kiều.Lời Từ Hải nói với Thúy Kiều lúc chia tay thể hiện rõ rính cách nhân vật.Thứ nhất,Từ Hải là người có chí khí phi thường,khi chia tay thấy Kiểu nói:

Nàng rằng : “Phận gái chữ tòng

Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi”.

Từ Hải đã đáp lại rằng:

Từ rằng : ”Tâm phúc tương tri

Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình”.

Trong lời đáp ấy bao hàm lời dặn dò và niềm tin mà Từ Hải gửi gắm nơi Thuý Kiều. Chàng vừa mong Kiều hiểu mình, đã là tri kỉ thì chia sẻ mọi điều trong cuộc sống, vừa động viên, tin tưởng Kiều sẽ vượt qua sự bịn rịn của một nữ nhi thường tình để làm vợ một người anh hùng. Chàng muốn lập công, có được sự nghiệp vẻ vang rồi đón Kiều về nhà chồng trong danh dự :

Bao giờ mười vạn tinh binh,

Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường.

Làm cho rõ mặt phi thường,

Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia”.

Quả là lời chia biệt của một người anh hùng có chí lớn, không bịn rịn một cách yếu đuối như Thúc Sinh khi chia tay Kiều. Sự nghiệp anh hùng đối với Từ Hải là ý nghĩa của sự sống. Thêm nữa, chàng nghĩ có làm được như vậy mới xứng đáng với sự gửi gắm niềm tin, với sự trông cậy của người đẹp.

Thứ hai, Từ Hải là người rất tự tin trong cuộc sống :

Đành lòng chờ đó ít lâu,

Chầy chăng là một năm sau vội gì !

Từ ý nghĩ, đến dáng vẻ, hành động và lời nói của Từ Hải trong lúc chia biệt đều thể hiện Từ là người rất tự tin trong cuộc sống. Chàng tin rằng chỉ trong khoảng một năm chàng sẽ lập công trở về với cả một cơ đồ lớn.

Quyết lời dứt áo ra đi

Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi

Hai chữ “dứt áo” thể hiện phong cách mạnh mẽ,phi thường của đấng trượng phu trong lúc chia biệt.Hình ảnh “Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi”là một hình ảnh so sánh đẹp đẽ và đầy ý nghĩa.Tác giả muốn ví Từ Hải như chim bằng cưỡi gió bay cao,bay xa ngoài biển lớn.Không chỉ thể trong câu thơ còn diễn tả được tâm trạng của con người khi được thỏa chí tung hoành “diễn tả một cách khoái trá trong giây lát con người phi thường rời khỏi nơi tiễn biệt”.Chia li và hội ngộ,hội ngộ và chia li,hai sự kiện trái ngược và nối tiếp chia cái đời thường của mỗi người ra thành những chặng đường giàu ý nghĩa hơn.Phải,nếu không có chia li và hội ngộ,cuộc sống chỉ là một dòng chảy đơn điệu và tẻ nhạt.Nếu hội ngộ là sướng vui,hạnh phúc thì chia li là sầu muộn,đau buồn.Có lẽ vì thế mà thơ ca viết về chia li nhiều hơn,thấm thía hơn?Trong “Truyện Kiều” Nguyễn Du đã ba lần khắc họa những cuộc chia biệt.Đó là Kiều tiễn Kim Trọng về quê hộ tang chú,ở đó có sự nhớ nhung của một người đang yêu mối tình đầu say đắm.Đó là cuộc chia tay Thúc Sinh để chàng về quê xin phép Hoạn Thư cho Kiều được làm vợ lẻ,hi vọng gặp lại mong manh.Cuộc chia tay Từ Hải là chia tay người anh hùng để chàng thỏa chí vẫy vùng bốn biển.Do vậy tính chất ba cuộc chia biệt là hoàn toàn khác hẳn nhau.Vậy nhưng,bằng tài hoa của một người nghệ sĩ bậc thầy,Nguyễn du đã khắc họa thành công chân dung nhân vật Từ Hải với những dấu ấn riêng biệt.

c. Kết bài

Dưới hình thức một cuộc chia li,đoạn trích “Chí khí anh hùng” mang chở khát vọng tự do,công lí của Nguyễn Du.Từ Hải như một con đại bàng vỗ cánh làm xáo động cả đất trời.Chỉ có đôi cánh ấy mới che chở được những nạn nhân sống dưới gần trời tăm tối của thể giới “Truyện Kiều”.